

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DETCO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DETCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DETCO GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DETCO GROUP JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109769900

**3. Ngày thành lập:** 08/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2 Tổ 21 Cụm 3, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0945151996

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                          | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                    | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                               | 4212     |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                   | 4221     |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                        | 4222     |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                         | 4223     |
| 7.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                       | 4752     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                    | 4663     |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                      | 4321     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                      | 4322     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi, thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                        | 8299     |
| 13. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                       | 1430     |
| 14. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất quần áo từ sợi kim loại                                                                                                  | 2599     |
| 15. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                             | 1410     |
| 16. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn - Sản xuất bàn chải giày, quần áo;                                                                              | 3290     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                         | 4771        |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                         | 4649(Chính) |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: - Bán lẻ quần áo (kể cả quần áo thể thao) đã qua sử dụng; - Bán lẻ đồ phụ trợ hàng may mặc: Khăn quàng, găng tay,... đã qua sử dụng. | 4774        |
| 20. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                 | 4782        |
| 21. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                     | 4641        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị văn phòng; bàn, ghế, tủ văn phòng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện                                                 | 4659        |
| 23. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                   | 3319        |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                      | 5510        |
| 25. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                | 8230        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng hoặc theo tuyến cố định                                                                                                                   | 4932        |
| 27. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)                                                                                    | 5610        |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                  | 4610        |
| 29. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Đại lý bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)                                                     | 4530        |
| 30. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                             | 4513        |
| 31. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 32. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(không bao gồm thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện)                                                                                                                         | 4652        |
| 33. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                     | 2013        |
| 34. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 35. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 36. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |
| 37. | Thoát nước và xử lý nước thải<br>(khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)                                                                                                                                                           | 3700        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển<br>Chi tiết: - Sản xuất thiết bị kiểm tra mức khí thải tự động; - Sản xuất dụng cụ phát hiện phóng xạ và dụng cụ chỉ huy; các máy điều khiển và điều chỉnh ứng dụng tự động, như lò, điều hoà, tủ lạnh và các thiết bị khác; các dụng cụ thiết bị đo lường, hiển thị, thu thanh, truyền tải và kiểm soát các thông số hoạt động công nghiệp như nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, độ bụi, | 2651 |
| 39. | Sản xuất đồ điện dân dụng<br>Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị điện gia dụng như: máy hút bụi, máy lau sàn, máy nghiền rác, quạt thông gió;                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2750 |
| 40. | Sản xuất máy thông dụng khác<br>Chi tiết: - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ<br>- Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2819 |
| 41. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: - Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3312 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM ĐỨC MẠNH | Xóm 3, Thị trấn Nga Sơn, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 270.000    | 2.700.000.000         | 30,000    | 0380990129<br>27                                                                            |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                        | Tổng số                   | 270.000    | 2.700.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                               |                           |         |               |        |              |  |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | VŨ THỊ LAN ANH   | Số 65 ngõ 165 phố Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 180.000 | 1.800.000.000 | 20,000 | 017102685    |  |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                               | Tổng số                   | 180.000 | 1.800.000.000 | 20,000 |              |  |
|   |                  |                                                                                               |                           |         |               |        |              |  |
| 3 | CÔNG THỊ LAN ANH | Tổ 21, Cụm 3, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 450.000 | 4.500.000.000 | 50,000 | 001183036828 |  |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                  |                                                                                               | Tổng số                   | 450.000 | 4.500.000.000 | 50,000 |              |  |
|   |                  |                                                                                               |                           |         |               |        |              |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CÔNG THỊ LAN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 23/07/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001183036828

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 21, Cụm 3, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 21, Cụm 3, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội